TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày: 06/6/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký

2. Ông Trần Công Sơn

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Tuyết –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu*: Ông Huỳnh Văn Dương- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 130/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Vợ chồng ông **Phan H** – sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố Bình A, phường Xuân Đ, thị xã C, tỉnh Phú Yên và bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu phố Trường X, thị trấn G, huyện A, tỉnh Phú Yên. Ông H, bà T có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Trương Thị N** – sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố Mỹ E, phường Xuân A, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ 3 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2018, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng ông Phan H và bà Phạm Thị T cùng trình bày:*

Năm 2016 và năm 2017 vợ chồng ông Phan H và bà Phạm Thị T có cho bà Trương Thị N mượn tiền 03 lần, tổng cộng là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng), cụ thể: Lần 1: ngày 13/10/2016 là 30.000.000đ (có giấy mượn tiền). Lần 2: ngày 18/3/2017 là 50.000.000đ (có giấy mượn tiền). Lần 3: Ngày 04/10/2017 là 250.000.000đ (có giấy mượn tiền). Cả 03 lần mượn tiền với mục đích để bà N đáo hạn cho ngân hàng rồi trả lại gốc cho vợ chồng ông H bà T. Có xác lập giấy viết tay và có người làm chứng. Nhưng sau đó bà N không trả lại, nên vợ chồng ông H bà T khởi kiện yêu cầu Tòa buộc bà N trả lại số tiền 330.000.000đ cho vợ chồng ông, bà và không yêu cầu bà N trả lãi từ khi vay mượn cho đến khi tòa xét xử.

** Bị đơn vợ chồng bà Trương Thị N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nhưng tại bản trình bày ý kiến và biên bản hòa giải ngày 23/01/2019, bà N trình bày:*

Bà N thừa nhận có vay của vợ chồng ông H, bà T số tiền là 330.000.000đ vào các ngày như vợ chồng ông H trình bày là đúng sự thật. Bà N vay tiền để làm ăn, việc vay mượn không liên quan gì đến chồng con của bà. Bà N đồng ý trả 330.000.000đ cho vợ chồng ông H, bà T. Nhưng hiện tại bà N không có khả năng trả số nợ trên cho vợ chồng ông H và bà T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Toà án đã xác định đúng quan hệ, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ mọi thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà. Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ cho nguyên đơn với số tiền 330.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng*:** Bị đơn bà Trương Thị N đã được triệu tập hợp lệ và được niêm yết hợp lệ đến lần thứ 3 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

***[2] Về Thẩm quyền*:** Vợ chồng ông Phan H và bà Phạm Thị T khởi kiện bà Trương Thị N có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố Mỹ E, phường Xuân A, thị xã C, tỉnh Phú Yên; về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

[3] Về nội dung:

Vợ chồng ông Phan H và bà Phạm Thị T căn cứ vào giấy mượn tiền được xác lập giữa ông H bà T với bà N vào các ngày 13/10/2016, 18/3/2017, 04/10/2017 để yêu cầu bà Trương Thị N phải thanh toán cho vợ chồng ông H, bà T số tiền là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng) được bà N thừa nhận, nên yêu cầu của ông H và bà T là có căn cứ đúng, pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trương Thị N phải thanh toán cho ông H, bà T số tiền 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Về lãi suất, tại phiên tòa, vợ chồng ông H và bà T không yêu cầu bà N trả lãi suất từ khi vay cho đến khi xét xử vụ án, nên Hội đồng không xét.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Vợ chồng ông Phan H, bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 330.000.000 đồng x 5% = 16.500.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Phan H, Phạm Thị T. Buộc bà Trương Thị N phải thanh toán cho vợ chồng ông Phan H, Phạm Thị T số tiền là 330.000.000đ *(Ba trăm ba mươi triệu đồng)*.

Về án phí:

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Phan H, Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng *(Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số AA/2015/0006676 ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Buộc bà Trương Thị N phải chịu số tiền 16.500.000đ *(Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND TX. Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Án văn (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tôn